KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu : 743-2023-00029379
Mã số kết quả : AR-23-VD-032929-01-VI / EUVNHC-00206525

Công ty Cổ Phần Hàng Tiêu Dùng Biên Hòa
Khu Công Nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa
tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Tên mẫu : ĐƯỜNG ĂN KIÊNG ISOMALT
Tình trạng mẫu : Mẫu thành phẩm
Ngày nhận mẫu : 16/03/2023
Thời gian thử nghiệm : 17/03/2023 - 20/03/2023
Ngày hẹn trả kết quả khách hàng : 23/03/2023
Mã số PO của khách hàng : NA9J2303161606
Mã số mẫu Eol : 005-32410-173295

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VD340 VD (a) *Coliforms*	cfu/ g	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006)	**Không phát hiện (LOD=10)**
2	VD354 VD (a) *Escherichia coli*	MPN/ g	TCVN 7924-3:2017 (ISO 16649-3:2015)	**Không phát hiện (LOD=0)**
3	VD368 VD (a)(d) *Salmonella spp.*	/25 g	TCVN 10780-1:2017 (ISO 6579-1:2017)	**Không phát hiện**
4	VD373 VD (a) *Staphylococcus aureus*	cfu/ g	AOAC 975.55	**Không phát hiện (LOD=10)**
5	VDA04 VD (a) *Định tính GMO: Agroborder II (AB II) (LOD=0.01%)*		EVN-R-RD-3-TP-3892 (2019) (Ref. GMOScreen RT 35S/NOS/ABII IPC test kit)	**Âm tính**
6	VDA04 VD (a) *Định tính GMO: CAMV 35S promoter (35S) (LOD=0.01%)*		EVN-R-RD-3-TP-3892 (2019) (Ref. GMOScreen RT 35S/NOS/ABII IPC test kit)	**Âm tính**
7	VDA04 VD (a) *Định tính GMO: Terminator NOS (tNOS) (LOD=0.01%)*		EVN-R-RD-3-TP-3892 (2019) (Ref. GMOScreen RT 35S/NOS/ABII IPC test kit)	**Âm tính**
8	VD76K VD (a) **Tổng số VSV hiếu khí**	cfu/ 10 g	ICUMSA GS 2/3- 41:2011	**2.0x10⁰**
9	VD39E VD (a) **Tổng số bào tử nấm men**	cfu/ 10 g	ICUMSA GS 2/3- 47:2015	**Không phát hiện (LOD=1)**
10	VD129 VD **Carbohydrates**	%	EVN-R-RD-2-TP-5237 (Ref AOAC 986.25)	**98.3**
11	VD165 VD (a) **Béo**	%	EVN-R-RD-2-TP-3498 (Ref. FAO Food 14/7-1986)	**Không phát hiện (LOD=0.1)**
12	VD263 VD (a) **Đạm**	%	TCVN 10034:2013 (ISO 1871:2009)	**Không phát hiện (LOD=0.1)**
13	VD543 VD **Năng lượng**	kcal/ 100 g	FAO 2003 77	**393**
14	VDCA3 VD (a) **Độ ẩm**	%	EHC-TP2-048 (Ref. FAO Food 14/7-1986)	**1.71**
15	VD855 VD (a) **Cadimi (Cd)**	mg/ kg	AOAC 2015.01	**Không phát hiện (LOD=0.01)**

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
16	VD861 VD (a) **Chì (Pb)**	mg/ kg	AOAC 2015.01	**Không phát hiện (LOD=0.017)**
17	VD856 VD (a) **Arsen (As)**	mg/ kg	AOAC 2015.01	**Không phát hiện (LOD=0.01)**
18	VD857 VD (a) **Thủy ngân (Hg)**	mg/ kg	AOAC 2015.01	**Không phát hiện (LOD=0.007)**
19	VD821 VD (a) **Aflatoxin B1**	µg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-5060 (Ref. DIN EN 14123:2008-03)	**Không phát hiện (LOD=0.5)**
20	VD821 VD (a) **Aflatoxin tổng (B1, B2, G1, G2)**	µg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-5060 (Ref. DIN EN 14123:2008-03)	**Không phát hiện (LOD=0.5)**
21	VD630 VD **Màu sắc**		EVN-R-RD-2-TP-3552	**Màu trắng đặc trưng của sản phẩm.**
22	VD630 VD **Mùi**		EVN-R-RD-2-TP-3552	**Mùi đặc trưng của sản phẩm, không có mùi lạ.**
23	VD630 VD **Trạng thái**		EVN-R-RD-2-TP-3552	**(1)**
24	VD630 VD **Vị**		EVN-R-RD-2-TP-3552	**Vị ngọt đặc trưng của sản phẩm, không có vị lạ.**
25	VD834 VD ***Tổng số bào tử nấm mốc***	cfu/ 10 g	Ref. ICUMSA GS 2/3- 47:2015	**1.0x10⁰**

(1) Dạng bột mịn, khô, không vón cục, không lẫn tạp chất.
LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

Ký tên

Nguyễn Anh Vũ
Trưởng phòng thí nghiệm HCM

CÔNG TY TNHH EUROFINS SẮC KÝ HẢI ĐĂNG
M.S.D.N: 0311526885-C.T.T.N.H.H
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Lý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Anh Vũ 23/03/2023, và được phê duyệt điện tử bởi Lý Hoàng Hải 23/03/2023.

Ghi chú giải thích
Tất cả các thông tin trong bản kết quả này phải được sao chép đầy đủ; bản kết quả này chỉ có giá trị với mẫu thử do khách hàng cung cấp.
Các kết quả phân tích được thu thập và trình bày theo những điều khoản chung về cung cấp dịch vụ, các thông tin này được cung cấp theo yêu cầu của quý khách.
Mọi phép thử được nhận diện bằng một mã số nhận dạng bao gồm 5 chữ số, thông tin mô tả của các phép thử này sẽ được cung cấp khi quý khách có yêu cầu.
Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sắc Ký Hải Đăng xây dựng.
"VD": Các phép thử này được thực hiện tại phòng thí nghiệm Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng.(a) chú thích rằng các phép thử này được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238. (d) chú thích rằng các phép thử này được công nhận theo Chứng Nhận Phòng Thử Nghiệm Thức Ăn Chăn Nuôi.

ANALYTICAL REPORT

Sample Code : 743-2023-00029379
Analytical Report : AR-23-VD-032929-01-EN / EUVNHC-00206525

BIEN HOA CONSUMER JOINT STOCK COMPANY

Bien Hoa Industiral Zone 1, An Binh Ward, Bien Hoa City
Dong Nai Province, VIETNAM

Sample described as:	Isomalt Sugar
Conditioning:	Finished product
Sample reception date:	16/03/2023
Analysis Time :	17/03/2023 - 20/03/2023
Client due date :	23/03/2023
Your purchase order reference:	NA9J2303161606
Eol sample code :	005-32410-173295

NO.	PARAMETERS	UNIT	TEST METHOD	RESULTS
1	VD340 VD (a) *Coliforms*	cfu/ g	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006)	**Not detected (LOD=10)**
2	VD354 VD (a) *Escherichia coli*	MPN/ g	TCVN 7924-3:2017 (ISO 16649-3:2015)	**Not detected (LOD=0)**
3	VD368 VD (a)(d) *Salmonella spp.*	/25 g	TCVN 10780-1:2017 (ISO 6579-1:2017)	**Not Detected**
4	VD373 VD (a) *Staphylococcus aureus*	cfu/ g	AOAC 975.55	**Not detected (LOD=10)**
5	VDA04 VD (a) *Qualitative GMO: Agroborder II (AB II) (LOD=0.01%)*		EVN-R-RD-3-TP-3892 (2019) (Ref. GMOScreen RT 35S/NOS/ABII IPC test kit)	**Negative**
6	VDA04 VD (a) *Qualitative GMO: CAMV 35S promoter (35S) (LOD=0.01%)*		EVN-R-RD-3-TP-3892 (2019) (Ref. GMOScreen RT 35S/NOS/ABII IPC test kit)	**Negative**
7	VDA04 VD (a) *Qualitative GMO: Terminator NOS (tNOS) (LOD=0.01%)*		EVN-R-RD-3-TP-3892 (2019) (Ref. GMOScreen RT 35S/NOS/ABII IPC test kit)	**Negative**
8	VD76K VD (a) **Aerobic Plate Count**	cfu/ 10 g	ICUMSA GS 2/3- 41:2011	**$2.0x10^0$**
9	VD39E VD (a) **Total spore of yeast**	cfu/ 10 g	ICUMSA GS 2/3- 47:2015	**Not detected (LOD=1)**
10	VD129 VD **Carbohydrates**	%	EVN-R-RD-2-TP-5237 (Ref AOAC 986.25)	**98.3**
11	VD165 VD (a) **Fat**	%	EVN-R-RD-2-TP-3498 (Ref. FAO Food 14/7-1986)	**Not detected (LOD=0.1)**
12	VD263 VD (a) **Protein**	%	TCVN 10034:2013 (ISO 1871:2009)	**Not detected (LOD=0.1)**
13	VD543 VD **Energy value (kcal)**	kcal/ 100 g	FAO 2003 77	**393**
14	VDCA3 VD (a) **Moisture**	%	EHC-TP2-048 (Ref. FAO Food 14/7-1986)	**1.71**
15	VD855 VD (a) **Cadmium (Cd)**	mg/ kg	AOAC 2015.01	**Not detected (LOD=0.01)**

ANALYTICAL REPORT

NO.	PARAMETERS	UNIT	TEST METHOD	RESULTS
16	VD861 VD (a) **Lead (Pb)**	mg/ kg	AOAC 2015.01	**Not detected (LOD=0.017)**
17	VD856 VD (a) **Arsenic (As)**	mg/ kg	AOAC 2015.01	**Not detected (LOD=0.01)**
18	VD857 VD (a) **Mercury (Hg)**	mg/ kg	AOAC 2015.01	**Not detected (LOD=0.007)**
19	VD821 VD (a) **Aflatoxin B1**	µg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-5060 (Ref. DIN EN 14123:2008-03)	**Not detected (LOD=0.5)**
20	VD821 VD (a) **Aflatoxins total (B1, B2, G1, G2)**	µg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-5060 (Ref. DIN EN 14123:2008-03)	**Not detected (LOD=0.5)**
21	VD630 VD **Appearance**		EVN-R-RD-2-TP-3552	**Fine powder, dry, no lumps, no impurities.**
22	VD630 VD **Color**		EVN-R-RD-2-TP-3552	**White color, specific of product.**
23	VD630 VD **Odor**		EVN-R-RD-2-TP-3552	**Odor specific of product, no strange odor.**
24	VD630 VD **Taste**		EVN-R-RD-2-TP-3552	**Sweet taste specific of product, no strange taste.**
25	VD834 VD ***Total spore of mould***	cfu/ 10 g	Ref. ICUMSA GS 2/3- 47:2015	**$1.0x10^0$**

LOD: Limit Of Detection.

SIGNATURE

Nguyễn Anh Vũ
HCMC Lab Manager

CÔNG TY TNHH EUROFINS SÁC KÝ HẢI ĐĂNG
M.S.D.N: 0311526885 - C.T.T.N.H.H - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Lý Hoàng Hải
General Manager Food & Feed Testing Vietnam

Report electronically validated by Nguyễn Anh Vũ 23/03/2023, and electronically approved by Lý Hoàng Hải 23/03/2023.

EXPLANATORY NOTE

This document can only be reproduced in full; it only concerns the submitted sample.
Results have been obtained and reported in accordance with our general sales conditions available on request.
The tests are identified by a five-digit code, their description is available on request.
All test methods begin with characters EVN; A39; N79; EHC are internal methods developped by Eurofins Sac Ky Hai Dang.
"VD": These tests were performed in laboratory Eurofins Sac Ky Hai Dang (Ho Chi Minh).The symbol (a) identifies the tests performed by this laboratory under accreditation ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238. The symbol (d) identifies the tests performed by this laboratory under accreditation Animal Feed Testings Lab Certificate.